

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **88/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/9/2025

Về “xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Duy;

2. Ông Dương Vương Đạo;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp:** Không tham gia.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở 4 Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

- **Bị đơn:** anh **Hà Tấn V**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh V vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Tuyết M** trình bày: Qua tìm hiểu, chị và anh Hà Tấn V tự nguyện tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 1994, đến năm 2004 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời

gian, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã. Anh V thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đập phá đồ đạc và đánh chị nhiều lần. Chị và anh V đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh V.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Tấn T, sinh ngày 01/6/1995 và Hà Thị Diễm Tr, sinh ngày 21/9/1998. Hiện cháu T và cháu Tr đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn **anh Hà Tấn V** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của **chị M**, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Tuyết M** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn **anh Hà Tấn V** vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: **Chị M** khởi kiện yêu cầu ly hôn với **anh V** nên xác định đây là tranh chấp “ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã T khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Tuyết M** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn **anh Hà Tấn V** được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt **chị M** và **anh V**.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của **chị Nguyễn Thị Tuyết M**, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị M và anh V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 26/4/2004, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị M xin ly hôn với lý do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã. Anh V thường xuyên nhậu nhẹt về nhà

đập phá đồ đạc và đánh chị nhiều lần. Chị và anh V đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay.

Đối với anh V, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập anh V nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, cho thấy anh V không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Như vậy, anh V đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như chị M trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Tấn T, sinh ngày 01/6/1995 và Hà Thị Diễm Tr, sinh ngày 21/9/1998. Hiện cháu T và cháu Tr đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M xác định không có; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M. Cụ thể:

1. Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Hà Tấn V.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0010854 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp); xem như chị M đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm